

Quá trình phát triển của thế giới trong gần năm thập niên vừa qua đã cung cấp một bức tranh hiện thực về phát triển hết sức phong phú, đa dạng với rất nhiều tham số khác nhau mà sự giải thích về chúng một cách có căn cứ khoa học và hệ thống không phải luôn luôn là một điều dễ dàng. Nhiều lý thuyết về phát triển đã ra đời, từ những lý thuyết có tính chất kinh tế thuần túy (lý thuyết tăng trưởng lan tỏa, lý thuyết tăng trưởng lan tỏa mở rộng, lý thuyết công nghiệp hóa muộn...) cho đến những lý thuyết có tính chất tổng hợp hơn, bao gồm cả nhân tố kinh tế lẫn các nhân tố phi kinh tế khác. Tất cả không chỉ miêu tả, giải thích quá trình phát triển (trong phạm vi từng nước, từng khu vực hoặc toàn thế giới) mà còn, trong một chừng mực nào đó, cố gắng tác động đến quá trình phát triển này. Sự phê phán, đánh giá, bổ sung của các lý thuyết đi sau đối với các lý thuyết đã ra đời từ trước chỉ chứng tỏ một điều: *hiện thực phát triển của thế giới là vô cùng phong phú, phức tạp, đòi hỏi phải có nhiều cách tiếp cận khác nhau để từ đó có thể trả lời cho một câu hỏi có tính chất nền tảng: bản chất thực sự của quá trình phát triển là gì? Hay nói cách khác, ý nghĩa tối hậu của phát triển là gì?*

Có lẽ hơn bất cứ một lãnh vực lý luận nào khác, trong lãnh vực lý luận về phát triển, sự ra đời của những tư tưởng mới và học thuyết mới luôn là một đòi hỏi khách quan của hiện thực phát triển và chính bản thân của thuật ngữ "phát triển" cũng luôn được phát triển và mở rộng không ngừng các khái niệm và nội dung của nó. Có quan niệm cho rằng, nếu về mặt lý luận, *phát triển* là một khái niệm chủ đạo của các khoa học xã hội và nhân văn thì trong đời sống thực tiễn của thế giới hiện đại, phát triển đã thực sự trở thành một lực lượng hùng mạnh nhất chi phối hầu hết các mặt của đời sống nhân loại.

Như chúng ta đã biết, các học thuyết về phát triển kinh tế từ trước tới nay có thể được tập hợp và phân loại thành ba nhóm chính: (1) các học thuyết về "những giai đoạn phát triển kinh tế" ở những năm 50 và đầu những năm 60, (2) Các học thuyết về "sự phụ thuộc mang tính quốc tế" xuất hiện cuối những năm 60 và những năm 70, (3) các học thuyết về "thị

trường tự do" xuất hiện từ những năm 80 cho đến nay. Có thể nói, trong các thập niên đầu tiên, quan điểm "phát triển vị phát triển" đã tỏ ra chiếm ưu thế và điều này được thể hiện ở sự tập trung cao độ cho sự tăng trưởng hàng năm của tổng sản phẩm quốc dân. Dần dần, quan điểm này được thay thế bằng quan điểm "phát triển vị nhân sinh", một quan điểm phát triển "lấy con người làm gốc", không đặt trọng tâm ở các yếu tố thuần túy kinh tế mà xem chúng chỉ như phương tiện phục vụ cho cuộc sống nhiều mặt của con người, nhất là những tầng lớp nghèo khổ. Giữa hai quan điểm phát triển chủ đạo này là một loạt các học thuyết phát triển khác nhau trong đó quan điểm phát triển bền vững đang được xem là có nhiều triển vọng nhất hiện nay.

SUY NGHĨ MỚI VỀ PHÁT TRIỂN

TRẦN TRUNG PHƯƠNG

Về mặt phương pháp luận nhận thức, có một sự khác biệt quan trọng giữa tư duy phát triển theo quan niệm cũ và tư duy phát triển theo quan niệm mới. Với tư duy phát triển cũ, thế giới được quan niệm như một mô hình có trật tự, sẵn sàng chịu sự tác động và kiểm soát của con người một cách có quy luật. Điều này dễ dẫn đến niềm tin cho rằng các vấn đề (kinh tế, xã hội học hoặc chính trị...) đều có thể được nhận diện một cách khá dễ dàng và "các toa thuốc trực tiếp" có thể được đưa ra và thực hiện ngay tức thì để sau đó nhận lấy những kết quả khả quan, có thể đoán trước được.

Thế nhưng, trong thực tế phát triển đầy phức tạp của thế giới hiện nay, vấn đề không trở nên đơn giản như vậy và đối tượng mà các chiến lược và chính sách phát triển muốn tác động đến không hề là một trật tự có tính ổn định, dễ dàng chấp nhận sự kiểm soát và tác động của con người. Trong một định thức mới về phát triển (New Development Paradigm), thế giới được xem như một phức hợp bao gồm nhiều tập hợp các biến tố có độ tương tác cao, và cả phức hợp này đều biến đổi rất nhanh chóng đồng thời phụ thuộc vào sự không chắc chắn (độ bất định) ở mức độ cao.

Ở đây, có ba ý tưởng cơ bản đã ảnh hưởng một cách sâu sắc đến tư duy phát triển hiện đại.

Thứ nhất, quan niệm mới cho rằng cả hai quá trình tiến hóa và phát triển nên được xem như một sự "biến đổi có tính chất thích nghi" (adaptive change) hơn là một sự "tiến bộ" thật sự. Điều này có nghĩa là tiến hóa và phát triển là một quá trình biến đổi bị tác động bởi nhu cầu phải giải quyết những vấn đề đang tồn tại ở bên trong hệ thống kinh tế hoặc xã hội. Lịch sử và kinh nghiệm từng cho thấy rằng giải pháp cho một vấn đề thường có tác dụng hạn chế: vừa giải quyết được vấn đề đang tồn tại lại vừa gieo mầm mống cho sự nảy sinh một vấn đề mới cần giải quyết trong tương lai. Vì vậy, sẽ là hợp lý hơn nếu quan niệm phát triển như một quá trình

thích nghi và tái thích nghi liên tục hoặc như một tiến trình luôn luôn đòi hỏi sự quân bình hóa giữa các đối cực. Một hệ quả quan trọng được rút ra từ quan niệm mới này là, các giải pháp cho bài toán phát triển không thể chỉ bó hẹp trong phạm vi hiện tại mà nhất thiết phải bao quát cả những yếu tố và những vấn đề sẽ

xuất hiện trong tương lai.

Thứ hai, quan niệm mới nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của hệ thống thông tin trong quá trình phát triển, đến sự tùy thuộc và phản ứng của hệ thống đối với những luồng thông tin mà nó nhận được (như nội dung của điều khiển học), đặc biệt là thông tin về sự khác biệt giữa điều mong ước và điều có thực, giữa kết quả dự kiến của một biện pháp được đưa ra và những điều đang xảy ra trong thực tế. Ở những nước đang phát triển, đôi khi quá trình phát triển được so sánh như quá trình điều khiển một chiếc xe. Tất nhiên nếu vận tốc của xe càng lớn, đường sá càng ít quen thuộc và người lái càng ít có kinh nghiệm cũng như tầm nhìn hạn hẹp thì sự nguy hiểm sẽ càng lớn. Trong quá trình điều khiển này, điều quan trọng đối với người lái xe không chỉ ở chỗ phải liên tục thu nhận các luồng thông tin cần thiết và có độ chính xác cao mà còn cần phải biết phản ứng một cách thích hợp, đúng lúc với những thông tin mới vừa nhận được để có thể tránh được những sự cố trên đường đi. Chính vì vậy, bất cứ một chiến lược phát triển nào cũng phải gắn liền với một chiến lược

thông tin mang tầm cỡ quốc gia và một chiến lược phản ứng thích hợp.

Thứ ba, các chiến lược và chính sách phát triển thường được xem là kết quả của sự lựa chọn một trong nhiều mô hình nhận thức (cognitive model) khác nhau hoặc của sự phối hợp giữa nhiều mô hình nhận thức. Ở đây, về mặt phương pháp luận nhận thức, không nên đánh giá mô hình nhận thức này có giá trị cao hơn mô hình kia. Sự nhận thức khác nhau về cùng một đối tượng (ở đây là các hệ thống kinh tế - xã hội) là một điều tất nhiên, và tính chủ quan trong các mô hình nhận thức là điều khó tránh khỏi, dù đó là chủ quan của cá nhân hoặc chủ quan mang tính tập thể. Chính vì vậy, về mặt lý thuyết, các mô hình nhận thức đều có tầm quan trọng ngang nhau và bất cứ một chiến lược phát triển vĩ mô nào cũng đều phải tham khảo đầy đủ các mô hình nhận thức khác nhau để từ đó có thể đưa ra một lựa chọn cận tối ưu hoặc tối ưu.

Ba ý tưởng cơ bản nói trên là một phần quan trọng trong nội dung của một định thức mới về phát triển do các nhà nghiên cứu phát triển kinh tế nông thôn đưa ra vào đầu thập niên 80. Định thức này xem thế giới như một hệ thống bất ổn định, có tính tương đối, tương tác ở mức độ cao và luôn luôn biến đổi. Định thức này nhấn mạnh đến nhu cầu về các giải pháp công nghệ có tính thích nghi cao để giải quyết vấn đề của địa phương, cũng như nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các tín hiệu thông tin phản hồi từ thực tế. Đồng thời nó cũng cho phép tiến trình phát triển tận dụng được lợi thế của một nền tảng và môi trường kiến thức ngày càng rộng mở. Ngoài ra, định thức mới này cũng nhấn mạnh đến thái độ và giá trị của những chủ thể tham gia vào quá trình phát triển và xem đó cũng là một nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành công của chiến lược phát triển. Các công cụ, kỹ thuật phát triển chỉ có thể phát huy hiệu quả một khi những người thực hành và sử dụng có đầy đủ những phẩm chất và giá trị cần thiết như tri thức, kỷ luật, tinh thần hợp tác, tính mục đích, tính khiêm nhường, sự nhạy cảm, lòng hiếu học và khả năng phản ứng nhanh trong mọi tình huống...

Cũng trên phương diện lý luận, gần đây, một nhà khoa học Nga là tiến sĩ Fedotov Arkady đã đưa ra một lý luận mới mà ông gọi là "lý thuyết thống nhất về sự phát triển của loài người hiện đại". Theo Fedotov Arkady, các lý luận phát triển cũ đã không tính đến khả năng quá tải của trái đất về mặt dân số cũng như tính hữu hạn của các tài nguyên thiên nhiên và sự mong manh, "dễ tan vỡ"

của môi trường. Trong khi đó, loài người hiện nay đã vượt qua ngưỡng giới hạn của khả năng trái đất và sinh quyển và đang bước vào một thời đại mới về chất rất nguy hiểm cho sự tồn vong của loài người: Thời đại trái đất quá tải về số lượng người. Vì vậy, một lý luận khoa học hiện đại về phát triển phải bao gồm đầy đủ cả ba lãnh vực sinh thái học toàn cầu, xã hội học và kinh tế học trong sự tương tác, tổng hợp thống nhất của chúng, trong đó, yếu tố môi trường được xem là có tính chất quyết định. Nếu căn cứ vào thứ tự ưu tiên của ba yếu tố nói trên, thì quá trình nhận thức của con người về phát triển đã trải qua ba giai đoạn:

1. Kinh tế - Xã hội - Môi trường
2. Xã hội - Kinh tế - Môi trường
3. Môi trường - Xã hội - Kinh tế

Với quan niệm như trên thì lý thuyết phát triển bền vững được xây dựng trên cơ sở khoa học là giai đoạn cao nhất của sự phát triển có quản lý của loài người. Tác giả cũng đề nghị xây dựng một hệ thống thế giới mới về nguyên tắc và đưa ra một hệ thống các thông số khái quát: chỉ số mức tải trọng số dân một nước hay toàn thế giới nói chung, chỉ số độ bền vững, chỉ số khai thác tài nguyên... Đây là những công cụ có hiệu quả để nghiên cứu, xây dựng và quản lý hệ thống thế giới.

Cùng một quan niệm như trên, trong một báo cáo của Liên Hiệp Quốc có tên gọi là "*Our Global Neighbourhood*" (Thế giới gần gũi của chúng ta) do Ủy ban về những vấn đề quản lý và hợp tác toàn cầu soạn thảo và công bố vào năm 1995, xu thế tiến tới quản lý và hợp tác toàn cầu đã được nhấn mạnh để giải quyết các vấn đề của thế giới, trong đó có vấn đề phát triển. Nhận thức rằng quá trình phát triển của thế giới hiện nay đã đi vào giai đoạn toàn cầu hóa (hoặc như tên gọi của các nhà khoa học Nga là "sự phát triển tích hợp thế giới"), các tác giả của báo cáo cho rằng chúng ta phải thực hiện một sự "quản lý toàn cầu". Đây không phải là một chính phủ thế giới mà là một sự công nhận của tất cả các quốc gia về những quy phạm bắt buộc trong một thế giới mà mọi người, mọi quốc gia sống với nhau như những người láng giềng tốt, có tinh thần khoan dung và biết thỏa thuận được với nhau xem nên làm thế nào để giải quyết tốt hơn những việc của mình và đem lại hi vọng cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Tóm lại, trong lý luận nhận thức mới về phát triển, tính nhiều mặt của quá trình phát triển cũng như sự tương tác của chúng luôn luôn được nhấn mạnh. Đúng như nhận định của Michael P. Todaro, mặc dù tiến bộ về kinh tế là một cấu phần quan trọng của phát triển, nhưng đó

không phải là điều duy nhất. Ngoài việc cải thiện thu nhập và sản lượng ra, quá trình phát triển còn liên quan đến những thay đổi triệt để trong toàn bộ cấu trúc của xã hội, từ hạ tầng đến thượng tầng kiến trúc, kể cả trong hành vi, tâm lý và tập quán của cá nhân. Theo Todaro, ý nghĩa thực sự của phát triển là ở chỗ nó phải bảo đảm có đầy đủ ba yếu tố cơ bản hay ba giá trị gốc để làm cơ sở về lý thuyết và chỉ dẫn về thực tế. Đó là khả năng duy trì sự sống, khả năng đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người, là lòng tự trọng, tự ý thức về giá trị của chính mình ở cả bình diện cá nhân lẫn quốc gia, là tự do thoát khỏi sự lệ thuộc vào những điều kiện hoặc hoàn cảnh có tính chất nô dịch về mặt vật chất cũng như tinh thần, mở rộng diện lựa chọn về kinh tế và xã hội cho các cá nhân và các quốc gia. Đó cũng chính là ba mục tiêu cơ bản của quá trình phát triển.

Hơn bao giờ hết, theo nhận định chung của các nhà khoa học, tư tưởng, các nhà hoạt động xã hội, môi trường, chính trong bước ngoặt thiên niên kỷ này, loài người phải đương đầu với một trong những thách thức lớn lao nhất trong toàn bộ lịch sử của mình: tạo ra một thế quân bình mới với thiên nhiên trong khi vẫn tiếp tục duy trì sự phát triển kinh tế - xã hội, mở ra những cơ hội tốt nhất để cải thiện đời sống cho hàng tỉ người nghèo khổ trên trái đất. Hơn ai hết, các nhà nhân bản học của thế kỷ 20 biết rất rõ rằng nếu phát triển chỉ vì mục đích phát triển (Development for the sake of development) như điều đã và đang xảy ra ở nơi này hoặc nơi khác trên thế giới thì đích đích thực là "ý thức hệ của tế bào ung thư" (the ideology of the cancer cell, chữ dùng của nhà hoạt động môi trường Edward Abbey). Đã đến lúc cả nhân loại cần phải đồng tâm hiệp lực xây dựng trên trái đất này, không phải những chiến tuyến và hệ tư tưởng đối nghịch, mà là một nền "văn hóa vĩnh cửu" (Culture of Permanence), một thứ "trí quyền" có đủ sáng suốt và khôn ngoan để loại trừ ra khỏi đời sống nhân loại những yếu tố hủy diệt và tự hủy diệt, tiếp tục duy trì và thúc đẩy nền văn minh phát triển lên một giai đoạn mới ■

Tài liệu tham khảo

1. *Rapid Rural Appraisal* (Khon Kaen University) 1987, tr.7 - 9
2. *Thông tin Khoa học xã hội*, 3.1997, tr.17 - 22, 6/1997, tr.8 - 14
3. Kinh tế học cho thế giới thứ ba (*Economics for a Third World*) Michael Todaro. 1998, tr.139 - 151
4. *Time* (special issue: Our precious planet), 11.1997, tr.82 - 83